

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ - ST

Ngày 31 - 01 - 2024

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC YÊN, TỈNH YÊN BÁI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đỗ Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Xuân Vũ;

2. Ông Hoàng Văn Yên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Diêm Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 và thông báo mở lại phiên tòa số 05/2024/ TB-XX ngày 18 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Lê Thị M**, sinh năm 1964

Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh YB; Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: ông **Nông Văn C**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh YB; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2023 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà M và ông Nông Văn C về chung sống với nhau như vợ chồng năm 1982 và có cùng nhau đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, nhưng quá trình sinh sống bà M đã làm mất giấy đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn bà M và ông C cùng nhau sinh sống tại Tổ 10, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh YB. Quá trình

chung sống bình thường đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C thường xuyên uống rượu và có hành vi bạo lực với bà M, khi mâu thuẫn xảy ra có được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả, Nay bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông Nông Văn C.

Về con chung: bà M và ông C có ba con chung con thứ nhất là Nông Thị Thu Thủy, sinh năm 1983; con thứ hai là Nông Thanh Trung, sinh năm 1986; con thứ ba là Nông Trung Kiên, sinh năm 1989 hiện các con chung đã trưởng thành bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành phiên hoà giải, nhưng ông C không có mặt tại Tòa án, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được và xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Yên phát biểu ý kiến đối với Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng, nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, ông C vắng mặt chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Về nội dung vụ án: Bà M và ông C đã về chung sống với nhau như vợ chồng năm 1982 và có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng đã làm mất giấy đăng ký kết hôn, ngày 25-10-2023 bà M có lên Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng để xin trích lục kết hôn, Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng có trả lời bằng công văn rằng Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng đã tiến hành xác minh sổ đăng ký kết hôn, trong sổ đăng ký hộ tịch lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng và trên hệ thống quản lý hộ tịch của địa phương không còn hồ sơ việc đăng ký kết hôn trước đây của ông Nông Văn C và bà Lê Thị M, tuy bà M và ông C không có đăng ký kết hôn nhưng đây là hôn nhân thực tế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao- Bộ tư pháp, hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M được ly hôn với ông C. Về con chung ông bà có 3 con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết, về tài sản và nợ chung bà M không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, bà M phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án xác định mối quan hệ pháp luật vụ án ly hôn, theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị M, do bị đơn ông C có hộ khẩu thường trú tại Tổ 10, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh YB. Căn cứ quan hệ pháp luật và thẩm quyền theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết.

Tòa án xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do ông C được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do.

[2] Đối với quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị M và ông Nông Văn C về chung sống với nhau như vợ chồng năm 1982 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng nhưng đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn, ngày 25 tháng 10 năm 2023 bà M có xin Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng cấp trích lục kết hôn, Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng có trả lời bằng văn bản, đã tiến hành xác minh sổ đăng ký kết hôn, trong sổ đăng ký hộ tịch lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã Yên Thắng và trên hệ thống quản lý hộ tịch của địa phương không còn hồ sơ việc đăng ký kết hôn trước đây của ông Nông Văn C và bà Lê Thị M.

Mặc dù, bà M và ông C không đăng ký kết hôn nhưng quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 nên căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao- Bộ tư pháp, hướng dẫn thi hành luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong vụ án này qua lời khai của bà M năm 2013 bà và ông C phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông C thường xuyên uống rượu và có hành vi bạo lực với bà.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Trên thực tế vợ chồng bà M và ông C thường xảy ra mâu thuẫn, căn cứ biên bản xác minh ngày 07 tháng 12 năm 2023 tại Tổ 10, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh YB.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà M và ông C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử, xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M được ly hôn với ông Nông Văn C.

[3] Về con chung: bà M và ông C có ba con chung là Nông Thị Thu Thủy sinh năm 1983, Nông Thanh Trung sinh năm 1986, Nông Trung Kiên sinh năm 1989 hiện tại các con chung đều đã trưởng thành bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án, phù hợp với các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: bà Lê Thị M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao- Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị M được ly hôn với ông Nông Văn C.

2. Về án phí: Bà Lê Thị M phải nộp 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000,đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số: AA/2023/0001560 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. Xác nhận bà M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo bản án: Án xử công khai sơ thẩm bà M, ông C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKS Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- Thi hành án dân sự Huyện;
- Ủy ban nhân dân xã YT;
- Các đương sự;
- Lưu HS,T.A,THS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đỗ Quỳnh

